TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 481/2019/QĐST-HNGĐ	*Bình Chánh, ngày 24 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hộ quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 397/2019/TLST-VHNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông **Vũ V N**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: E3/13A, ấp 5, xã VLB, HBC, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Lý T K C**, sinh năm: 1980

Địa chỉ: E3/13A, ấp 5, xã VLB, HBC, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ V N và bà Lý T K C đồng ý thuận tình ly hôn với nhau.

Việc đăng ký kết hôn của ông Vũ V N và bà Lý T K C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số I/P15, do Ủy ban nhân dân phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/11/1998 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Ông Vũ V N và bà Lý T K C có 02 trẻ tên Vũ Q B, sinh ngày 20/7/2001 và trẻ Vũ Lý G B, sinh ngày 11/09/2005. Hiện tại trẻ Quốc B và trẻ G B đang sống cùng với ông N và Bà C. Khi ly hôn ông N đồng ý để Bà C nuôi dưỡng 02 trẻ Vũ Lý G B và Vũ Q B đến khi trưởng thành, ông N không cấp dưỡng.

[3]. Về tài sản chung: Ông Vũ V N và bà Lý T K C xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Ông Vũ V N và bà Lý T K C xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Ông Vũ V N và bà Lý T K C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông N và Bà C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0025195 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông N và Bà C đã nộp đầy đủ án phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Ông Vũ V N bà bà Lý T K C thuận tình ly hôn với nhau. Quan hệ hôn nhân giữa ông Vũ V N và bà Lý T K C chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số I/P15, của Ủy ban nhân dân phường 15, quận T B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/11/1998 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ông Vũ V N và bà Lý T K C có 02 trẻ tên Vũ Q B, sinh ngày 20/7/2001 và trẻ Vũ Lý G B, sinh ngày 11/09/2005. Hiện tại trẻ Quốc B và trẻ G B đang sống cùng với ông N và Bà C. Khi ly hôn ông N đồng ý để Bà C nuôi dưỡng 02 trẻ Vũ Lý G B và Vũ Q B đến trưởng thành, ông N không cấp dưỡng.

Ông Vũ V N có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Ông Vũ V N và bà Lý T K C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Vũ V N và bà Lý T K C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Vũ V N và bà Lý T K C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông N và Bà C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0025195 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông N và Bà C đã nộp đầy đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự.

THẨM PHÁN

- VKSND H. Bình Chánh.
- Chi cục THADS H. Bình Chánh.
- Cơ quan đăng ký kết hôn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Vân Hương